NGÂN HÀNG TNHH MỘT THÀNH VIÊN HSBC (VIỆT NAM)
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TÓM TẮT

	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
	2024 Triệu đồng	2023 Triệu đồng
TÀI SẢN		
Tiền mặt	**522.471**	**496.527**
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	**14.106.879**	**14.823.136**
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng ("TCTD") khác	**43.295.749**	**74.539.227**
Tiền gửi tại các TCTD khác	41.890.749	73.384.227
Cho vay các TCTD khác	1.405.000	1.155.000
Chứng khoán kinh doanh	-	**208.083**
Chứng khoán kinh doanh	-	210.168
Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh	-	(2.085)
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	84	-
Cho vay khách hàng	**68.884.120**	**65.798.313**
Cho vay khách hàng	69.652.771	66.512.752
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(768.651)	(714.439)
Chứng khoán đầu tư	**7.504.879**	**6.574.288**
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	6.173.230	6.574.288
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	1.331.649	-
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	-	-
Tài sản cố định	**125.681**	**111.149**
Tài sản cố định hữu hình	98.431	89.213
Nguyên giá tài sản cố định	296.194	261.063
Hao mòn tài sản cố định	(197.763)	(171.850)
Tài sản cố định vô hình	27.250	21.936
Nguyên giá tài sản cố định	53.986	41.353
Hao mòn tài sản cố định	(26.736)	(19.417)
Tài sản có khác	**1.994.387**	**1.549.393**
Các khoản phải thu	1.262.687	653.017
Các khoản lãi, phí phải thu	498.519	711.936
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hoãn lại	26.287	15.561
Tài sản có khác	208.165	168.879
Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	(1.271)	-
TỔNG TÀI SẢN CÓ	**136.434.250**	**164.100.116**
NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		
Tiền gửi và vay các TCTD khác	**828.673**	**1.769.735**
Tiền gửi của các TCTD khác	823.326	1.719.981
Vay các TCTD khác	5.347	49.754
Tiền gửi của khách hàng	**114.139.386**	**135.877.387**
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	**9.762**
Phát hành giấy tờ có giá	-	**3.000.000**
Các khoản nợ khác	**2.055.808**	**4.500.294**
Các khoản lãi, phí phải trả	90.972	220.202
Các khoản phải trả và công nợ khác	1.964.836	4.280.092
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	**117.023.867**	**145.157.178**
VỐN CHỦ SỞ HỮU	**19.410.383**	**18.942.938**
Vốn của TCTD	7.528.000	7.528.000
Vốn điều lệ	7.528.000	7.528.000
Quỹ của TCTD	5.001.097	4.292.819
Lợi nhuận chưa phân phối	6.881.286	7.122.119
Lợi nhuận năm nay	2.833.113	4.410.701
Lợi nhuận lũy kế năm trước	4.048.173	2.711.418
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	**136.434.250**	**164.100.116**
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH		
CHỈ TIÊU		
Cam kết giao dịch hối đoái	37.486.869	50.906.591
Cam kết mua ngoại tệ	6.660.847	6.346.389
Cam kết bán ngoại tệ	6.672.772	6.364.119
Cam kết giao dịch hoán đổi	24.153.250	38.196.083
Cam kết cho vay không hủy ngang	2.464.164	4.097.168
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	2.400.136	13.374.356
Bảo lãnh khác	5.725.153	9.026.430
Các cam kết khác	11.607.861	-
Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được	50.129	149.479
Nợ khó đòi đã xử lý	999.279	599.333

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TÓM TẮT

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2024 Triệu đồng	2023 Triệu đồng
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	6.858.849	8.818.499
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(615.544)	(853.020)
Thu nhập lãi thuần	**6.243.305**	**7.965.479**
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	1.425.316	1.384.945
Chi phí hoạt động dịch vụ	(528.035)	(468.791)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	**897.281**	**916.154**
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	**1.010.546**	**775.489**
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	**4.888**	**13.505**
Thu nhập từ hoạt động khác	303.108	173.981
Chi phí từ hoạt động khác	(67.410)	(65.869)
Lãi thuần từ hoạt động khác	**235.698**	**108.112**
Chi phí hoạt động	**(3.593.130)**	**(3.052.614)**
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	**4.798.588**	**6.726.125**
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	**(348.322)**	**(212.282)**
Tổng lợi nhuận trước thuế	**4.450.266**	**6.513.843**
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(919.601)	(1.318.696)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	10.726	(6.087)
Chi phí thuế TNDN	**(908.875)**	**(1.324.783)**
Lợi nhuận sau thuế	**3.541.391**	**5.189.060**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TÓM TẮT (PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP)

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2024 Triệu đồng	2023 Triệu đồng
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	7.032.004	8.864.953
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(744.774)	(728.955)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	915.126	919.691
Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ và chứng khoán	1.013.349	791.079
Thu nhập khác	112.041	68.600
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn rủi ro	42.627	31.804
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(3.373.136)	(3.025.960)
Tiền thuế TNDN thực nộp trong năm	(986.646)	(1.329.234)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRƯỚC NHỮNG THAY ĐỔI VỀ TÀI SẢN VÀ VỐN LƯU ĐỘNG	**4.010.591**	**5.591.978**
Những thay đổi về tài sản hoạt động		
(Tăng)/giảm các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	(250.000)	228.680
Tăng các khoản về kinh doanh chứng khoán	(720.423)	(286.611)
(Tăng)/giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	(84)	61.281
Tăng các khoản cho vay khách hàng	(3.140.019)	(3.384.476)
Giảm nguồn dự phòng để xử lý rủi ro, xử lý, bù đắp tổn thất các khoản	(292.839)	(111.045)
Tăng khác về tài sản hoạt động	(534.210)	(47.239)
Những thay đổi về công nợ hoạt động		
Giảm các khoản tiền gửi, tiền vay các tổ chức tín dụng khác	(941.062)	(428.747)
Giảm tiền gửi của khách hàng	(21.738.001)	(39.638.718)
(Giảm)/tăng phát hành giấy tờ có giá	(3.000.000)	900.000
(Giảm)/tăng các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	(9.762)	9.762
(Giảm)/tăng khác về công nợ hoạt động	(209.064)	108.416
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	**(26.824.873)**	**(36.996.719)**
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
Mua sắm tài sản cố định	(61.782)	(45.986)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	89	13
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	**(61.693)**	**(45.973)**
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
Lợi nhuận đã chia	(5.297.225)	(790.957)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	**(5.297.225)**	**(790.957)**
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	**(32.183.791)**	**(37.833.649)**
TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	**88.703.890**	**126.537.539**
TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	**56.520.099**	**88.703.890**

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn điều lệ Triệu đồng	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ Triệu đồng	Quỹ dự phòng tài chính Triệu đồng	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	7.528.000	1.205.281	2.309.179	4.934.697	**15.977.157**
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	5.189.060	**5.189.060**
Chia lợi nhuận (*)	-	-	-	(2.223.279)	**(2.223.279)**
Trích lập các quỹ	-	259.453	518.906	(778.359)	**-**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	7.528.000	1.464.734	2.828.085	7.122.119	**18.942.938**
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	3.541.391	**3.541.391**
Chia lợi nhuận (**)	-	-	-	(3.073.946)	**(3.073.946)**
Trích lập các quỹ	-	354.139	354.139	(708.278)	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	7.528.000	1.818.873	3.182.224	6.881.286	**19.410.383**

(*) Hội Đồng Thành Viên của Ngân hàng đã phê duyệt kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022 vào ngày 4 tháng 8 năm 2023. Theo đó, số lợi nhuận được chia là 2.223.279 triệu đồng, được chuyển về Ngân hàng mẹ vào ngày 22 tháng 3 năm 2024.
(**) Hội Đồng Thành Viên của Ngân hàng đã phê duyệt kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023 vào ngày 5 tháng 9 năm 2024. Theo đó, số lợi nhuận được chia là 3.073.946 triệu đồng, được chuyển về Ngân hàng mẹ vào ngày 27 tháng 9 năm 2024.

TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

	2024 Triệu đồng	2023 Triệu đồng
Tổng số cán bộ, công nhân viên (người)	**1.405**	**1.317**
Thu nhập của cán bộ, công nhân viên		
Tổng quỹ lương	893.893	819.617
Lương bổ sung	229.312	222.669
Thu nhập khác	91.417	68.717
	1.214.622	1.111.003
Tiền lương bình quân/ người/ năm	636	622
Thu nhập bình quân/ người/ năm	864	844

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

	31.12.2024 Triệu đồng, %	31.12.2023 Triệu đồng, %
Vốn điều lệ	7.528.000	7.528.000
Tổng tài sản	136.434.250	164.100.116
Nợ quá hạn	843.333	919.136
Nợ xấu	514.014	386.096
Tỷ lệ an toàn vốn	18,45%	18,38%
Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi	63,73%	46,99%
Số dư nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh	0,00%	0,00%
Số dư nợ quá hạn/Tổng dư nợ (i)	0,76%	0,66%
Số dư nợ xấu/Tổng dư nợ (i)	0,46%	0,28%
Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	35,69%	55,80%
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung và dài hạn (ii)	-3,16%	-6,02%
Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày		
- Bằng đồng Việt Nam (iii)	240,53%	-1.176,36%
- Bằng ngoại tệ	770,66%	276,94%
Hệ số sử dụng vốn (ROE) (iv)	18,47%	29,72%

	2024 Triệu đồng	2023 Triệu đồng
Doanh số huy động tiền gửi và phát hành giấy tờ có giá	4.804.489.404	4.820.023.671
Doanh số cho vay	191.867.929	192.433.404
Doanh số thu nợ	188.916.960	189.099.751

(i) Tổng dư nợ bao gồm số dư cho vay khách hàng, cho vay các TCTD khác, số dư tiền gửi tại các TCTD khác (trừ tiền gửi thanh toán tại các TCTD khác (trừ tiền gửi thanh toán tại các TCTD và chi nhánh ngân hàng nước ngoài không thuộc đối tượng phân loại nợ và lập dự phòng rủi ro tín dụng theo Thông tư số 31/2024/TT-NHNN và Thông tư số 11/2021/TT-NHNN) và các khoản phải thu từ hoạt động mua hẳn miễn truy đòi bộ chứng từ theo thư tín dụng do ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành/xác nhận.
(ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, số dư Tổng dư nợ cho vay trung và dài hạn nhỏ hơn số dư Tổng nguồn vốn trung và dài hạn, hoàn toàn tuân thủ theo quy định của NHNN.
(iii) Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày mang giá trị âm thể hiện dòng tiền vào trong 30 ngày tiếp theo lớn hơn dòng tiền ra trong 30 ngày tiếp theo, hoàn toàn tuân thủ theo quy định của NHNN.
(iv) Hệ số sử dụng vốn được tính bằng lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng chia cho trung bình vốn chủ sở hữu của Ngân hàng.

Báo cáo tài chính tóm tắt đã được Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng phê chuẩn ngày 21 tháng 3 năm 2025.

Hà Lê Thảo Vy
Kiểm soát Tài chính

Nguyễn Thị Thanh Trúc
Giám đốc Tài chính và Kế toán trưởng

Timothy Mark Redvers Evans
Tổng Giám đốc và Người đại diện theo pháp luật

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP CHO BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT GỬI CHỦ SỞ HỮU, HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC CỦA NGÂN HÀNG TNHH MỘT THÀNH VIÊN HSBC (VIỆT NAM)

Báo cáo tài chính tóm tắt kèm theo, được lập ngày 31 tháng 12 năm 2024 và được Tổng Giám đốc của Ngân hàng phê duyệt vào ngày 21 tháng 3 năm 2025, từ trang 3 đến trang 11, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tóm tắt tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động tóm tắt và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tóm tắt cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu, Tình hình thu nhập của cán bộ công nhân viên và Các chỉ tiêu tài chính cơ bản được trích từ Báo cáo tài chính đầy đủ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC (Việt Nam) ("Ngân hàng") đã được kiểm toán. Chúng tôi đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính đầy đủ này tại Báo cáo kiểm toán phát hành ngày 21 tháng 3 năm 2025. Báo cáo tài chính đầy đủ này và Báo cáo tài chính tóm tắt không phản ánh ảnh hưởng của các sự kiện phát sinh sau ngày lập Báo cáo kiểm toán nói trên.

Báo cáo tài chính tóm tắt không bao gồm tất cả các thuyết minh trong Báo cáo tài chính đầy đủ cần phải công bố theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính áp dụng cho các tổ chức tín dụng hoạt động tại Việt Nam. Do đó, việc đọc Báo cáo tài chính tóm tắt không thể thay thế cho việc đọc Báo cáo tài chính đầy đủ của Ngân hàng.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính tóm tắt
Tổng Giám đốc của Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tóm tắt theo các quy định pháp lý về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tóm tắt liên quan.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tóm tắt dựa trên các thủ tục mà chúng tôi đã thực hiện theo quy định và hướng dẫn của Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 810 – Dịch vụ báo cáo về báo cáo tài chính tóm tắt.

Ý kiến của Kiểm toán viên
Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tóm tắt kèm theo – được trích từ Báo cáo tài chính đầy đủ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Ngân hàng đã được kiểm toán – phản ánh nhất quán, trên các khía cạnh trọng yếu, với Báo cáo tài chính đầy đủ đã được kiểm toán, theo các quy định pháp lý về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tóm tắt liên quan.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

Nguyễn Hoàng Nam
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0849-2023-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Mai Trần Bảo Anh
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4166-2022-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM16338
TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2025